

Số: **3648** /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **04** tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực chính sách thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Đ/c Bộ trưởng BQP;
- Đ/c Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;
- Đ/c Tổng TMT - Thứ trưởng BQP;
- Các đồng chí Thứ trưởng BQP;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Các Bộ: Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính, Ngoại giao;
- Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Vụ Pháp chế/BQP, Cục Chính sách/TCCT;
- Công TTĐT Chính phủ, Công TTĐTBQP;
- Lưu: VT, CCHC; T158.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3648/QĐ-BQP
ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng

| STT | Tên thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---|------------|---|
| A. Thủ tục hành chính cấp Trung ương | | | |
| | Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công với cách mạng; chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, dân công hỏa tuyến (sau đây gọi chung là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế) đang định cư ở nước ngoài không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ. | Chính sách | Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài |
| B. Thủ tục hành chính cấp xã | | | |
| | Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ. | Chính sách | UBND cấp xã |

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

I. Thủ tục hành chính cấp Trung ương

Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công với cách mạng; chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ.

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng từ trần) nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định cho Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài nơi đối tượng cư trú.

Trường hợp, nước sở tại có tổ chức Hội Cựu chiến binh hoặc Hội người Việt Nam ở nước ngoài (gọi chung là tổ chức hội) được Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ghi nhận thì đối tượng hoặc thân nhân đối tượng nộp hồ sơ cho tổ chức hội nêu trên ở nơi cư trú. Tổ chức hội tiếp nhận, tổng hợp chuyển hồ sơ (kèm theo danh sách đối tượng) về Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.

Bước 2. Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ do đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hoặc tổ chức hội chuyển đến, tổ chức rà soát, tổng hợp, chuyển hồ sơ (kèm theo danh sách đối tượng) về cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài;

Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hoặc do Cơ quan đại diện lãnh sự hoặc tổ chức hội chuyển đến (sau đây gọi chung là tổ chức và cá nhân).

Bước 3. Trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức và cá nhân chuyển đến (theo từng đợt), Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hoàn thành việc tổng hợp, rà soát phân loại hồ sơ đối tượng đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo nhóm đối tượng và địa bàn cư trú trước khi đi định cư ở nước ngoài hoặc trước khi hoạch định biên giới Quốc gia; lập danh sách đối tượng và công văn đề nghị giải quyết chế độ hỗ trợ theo mẫu quy định tại Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài (sau đây viết tắt là Nghị định số 102/2018/NĐ-CP); chuyển hồ sơ của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (bao gồm cả danh sách và công văn đề nghị) theo quy định sau:

- Chuyển về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

- Chuyển về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam) đối với đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Bước 4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ do Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chuyển đến. Theo từng đợt, trong thời gian 20 ngày

làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hoàn thành việc xét duyệt, thẩm định ra quyết định hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Bước 5. Theo từng đợt, trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ kinh phí hỗ trợ, quyết định hỗ trợ, “Giấy chứng nhận” và danh sách đối tượng được hưởng chế độ do Bộ Quốc phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chuyển đến Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan ở nước ngoài tổ chức chi trả chế độ hỗ trợ và trao “Giấy chứng nhận” cho đối tượng hoặc thân nhân đối tượng; theo từng đợt, hoàn thiện bảng kê danh sách chi trả có ký nhận chế độ hỗ trợ của từng đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (trường hợp chi trả chế độ hỗ trợ qua tài khoản cá nhân đối tượng hoặc thân nhân đối tượng hoặc chuyển qua đường bưu điện thì kèm theo chứng từ chuyển tiền của cơ quan có thẩm quyền) gửi về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để thanh quyết toán theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng từ trần) trực tiếp nộp hồ sơ hoặc qua đường bưu điện cho Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài nơi đối tượng cư trú.

3. Thành phần hồ sơ

a) Đối với đối tượng người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi người có công với cách mạng đang định cư ở nước ngoài (đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP), hồ sơ gồm:

- Bản khai cá nhân hoặc của thân nhân (đối với đối tượng từ trần) đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (bản chính; 01 bản);

- Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ có liên quan (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước hoặc ở nước ngoài) chứng minh thuộc đối tượng là người có công với cách mạng hoặc thân nhân liệt sỹ đã hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng nhưng dừng hưởng chế độ;

- Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân của đối tượng;

- Đối với đối tượng từ trần: Giấy chứng tử hoặc giấy tờ chứng minh đối tượng đã từ trần (bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài).

b) Đối với đối tượng người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh về ưu đãi người có công với cách mạng đã được hưởng chế độ hỗ trợ sau đó từ trần (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP), hồ sơ gồm:

- Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (bản chính; 01 bản);

- Quyết định đã hưởng chế độ hỗ trợ trước đó (bản sao có chứng thực của Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài).

c) Đối với đối tượng người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài (đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP), hồ sơ gồm:

- Bản khai của đối tượng hoặc của thân nhân đối tượng (đối với đối tượng từ trần) đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (bản chính; 01 bản).

- Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ có liên quan (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước hoặc ở nước ngoài) chứng minh là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

- Đối với đối tượng đã từ trần: Giấy chứng tử hoặc giấy tờ chứng minh đối tượng đã từ trần (bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài).

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 60 ngày, kể từ ngày các cơ quan nhận đủ hồ sơ hợp lệ và quyết định, kinh phí hỗ trợ, cụ thể:

- Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức và cá nhân chuyên đến (theo từng đợt).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Quốc phòng: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chuyển đến.

- Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chi trả chế độ hỗ trợ: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ kinh phí hỗ trợ, quyết định hỗ trợ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

7. Cơ quan giải quyết

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Quốc phòng (theo thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP).

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức Hội Cựu chiến binh hoặc Hội người Việt Nam ở nước ngoài.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định về việc thực hiện chế độ hỗ trợ đối với Việt Nam có công, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.

- “Giấy chứng nhận” người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế (đối với đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP).

9. Phí, lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 (Mẫu số 1A).

- Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 (Mẫu số 1B).

- Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 (Mẫu số 1C).

- Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP (Mẫu số 2A).

- Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP (Mẫu số 2B).

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Đối tượng và điều kiện áp dụng được hưởng chế độ hỗ trợ

- Người đã có quyết định công nhận là người có công với cách mạng thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng (bao gồm cả thân nhân của liệt sĩ được hưởng trợ cấp hằng tháng) theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, đang định cư ở nước ngoài nhưng bị dừng hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng do hoạch định biên giới Quốc gia.

- Người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài, gồm:

+ Quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp nhập ngũ hoặc tuyển dụng vào Quân đội trước ngày 20 tháng 7 năm 1954 đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước;

+ Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ, tuyển dụng từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 (bao gồm cả đối tượng đi học tập, lao động hợp tác quốc tế đang định cư ở nước ngoài);

+ Dân quân tập trung ở miền Bắc, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1964 đến ngày 27 tháng 01 năm 1973 (đối với dân quân tập

trung thuộc các xã giáp ranh bên bờ Bắc sông Bến Hải trên vĩ tuyến 17 và các xã nằm trong khu phi quân sự trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975);

+ Du kích tập trung (bao gồm cả lực lượng mật) tham gia hoạt động cách mạng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các chiến trường B, C, K từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

+ Cán bộ dân chính đảng ở miền Nam tham gia hoạt động cách mạng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các chiến trường B, C, K từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

+ Thanh niên xung phong tham gia kháng chiến trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1950 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 (bao gồm cả thanh niên xung phong cơ sở miền Nam tham gia kháng chiến trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 1965 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975);

+ Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, nhập ngũ, tuyển dụng vào quân đội, công an, cơ yếu sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979, truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992, thuộc địa bàn các huyện biên giới, các tỉnh Tây Nguyên và các huyện tiếp giáp huyện biên giới có xảy ra chiến sự (bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK 1); hoặc tham gia làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, hoặc giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 hoặc chuyển ngành sau đó thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 (bao gồm cả đối tượng đi học tập, lao động hợp tác quốc tế đang định cư ở nước ngoài);

+ Công nhân, viên chức quốc phòng, công nhân, viên chức công an, công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn dân quân tự vệ, công an xã do chính quyền cấp xã tổ chức và quản lý; thanh niên xung phong tập trung sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995, có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979, truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992, thuộc địa bàn các huyện biên giới, các tỉnh Tây Nguyên và các huyện tiếp giáp huyện biên giới có xảy ra chiến sự (bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK 1); hoặc tham gia làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, hoặc giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988;

+ Dân công hỏa tuyến, được Ủy ban hành chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền huy động, quản lý tập trung và được giao nhiệm vụ phục vụ chiến đấu cho các đơn vị Quân đội hoặc phục vụ tại các chiến trường trong thời gian và địa bàn sau đây, đang định cư ở nước ngoài:

Tham gia kháng chiến chống Pháp từ tháng 9 năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954; chống Mỹ từ sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, địa bàn thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi cả nước và ở Lào, Campuchia;

Tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở biên giới phía Bắc trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979, truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992, thuộc địa bàn các huyện biên giới, các tỉnh Tây Nguyên và các huyện tiếp giáp huyện biên giới có xảy ra chiến sự (bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK 1); hoặc tham gia làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, hoặc giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988.

b) Đối tượng và điều kiện không áp dụng thực hiện chính sách

- Không thuộc đối tượng và điều kiện tại điểm a nêu trên.

- Đào ngũ; phản bội; chiêu hồi; đã bị kết án về một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia; bị tước danh hiệu quân nhân, công an nhân dân, buộc thôi việc;

- Đối tượng là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế trước khi định cư ở nước ngoài thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động hằng tháng (đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP);

- Đối tượng đã từ trần nhưng không có hoặc không còn thân nhân là bố đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.

II. Thủ tục hành chính cấp xã

Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ.

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Người được ủy quyền nộp trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi người được ủy quyền cư trú 01 bộ hồ sơ theo quy định (thành phần hồ sơ nêu tại khoản 3 Mục này).

Bước 2. Theo từng đợt, trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức hội nghị xét duyệt; hoàn thiện hồ sơ cho từng đối tượng có đủ điều kiện hưởng chế độ; lập biên bản hội nghị xét duyệt, công văn đề nghị, danh sách đối tượng theo mẫu quy định tại Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, quận, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) qua Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

Bước 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo (theo từng đợt), hoàn thành việc rà soát, đối chiếu, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, làm công văn đề nghị, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, kèm theo hồ sơ đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ và danh sách đối tượng theo mẫu quy định tại Nghị định số 102/2018/NĐ-CP;

Bước 4. Bộ Tư lệnh các quân khu chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện báo cáo, hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đối tượng, làm công văn đề nghị, danh sách đối tượng theo mẫu quy định tại Nghị định số 102/2018/NĐ-CP, kèm theo hồ sơ đối tượng (mỗi đối tượng 01 bộ), báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Quân khu qua Cục Chính trị quân khu.

Bước 5. Cục Chính trị quân khu, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký “Giấy chứng nhận” đối với các đối tượng sau khi có ý kiến thẩm định của Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ;

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo Cục Chính trị, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện báo cáo, hoàn thành việc thẩm định, trình Thủ trưởng Bộ Tư lệnh ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký “Giấy chứng nhận” đối với các đối tượng sau khi có ý kiến thẩm định của Cục Chính sách, Tổng cục Chính trị; lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ.

Bước 6. Theo từng đợt, trong thời gian 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ kinh phí, quyết định hỗ trợ, “Giấy chứng nhận” và danh sách đối tượng được hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện hoàn

thành việc chi trả chế độ, trao "Giấy chứng nhận" cho thân nhân đối tượng; hoàn thiện thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

2. Cách thức thực hiện

Người được ủy quyền trực tiếp nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được ủy quyền cư trú.

3. Thành phần hồ sơ

- Bản khai của thân nhân đối tượng đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (bản chính; 01 bản).

- Giấy tờ gốc hoặc giấy tờ có liên quan (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước hoặc ở nước ngoài) chứng minh là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế hoặc dân công hỏa tuyến.

- Giấy ủy quyền của đối tượng (bản chính; 01 bản) có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 55 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) và quyết định, kinh phí hỗ trợ, cụ thể:

- Cấp xã: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Cấp huyện: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo (theo từng đợt).

- Cấp tỉnh, Cục Chính trị/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện báo cáo.

- Cấp quân khu: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo từng đợt) do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo.

- Cấp huyện chi trả hỗ trợ một lần, trao "Giấy chứng nhận" cho đối tượng: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ kinh phí, quyết định hỗ trợ, "Giấy chứng nhận" và danh sách đối tượng được hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

7. Cơ quan giải quyết

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ: Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan quân sự địa phương cấp huyện, cấp tỉnh.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định về việc thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.

- “Giấy chứng nhận” người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ (Mẫu số 2B).

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Đối tượng và điều kiện áp dụng được hưởng chế độ hỗ trợ

- Người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài, gồm:

+ Quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp nhập ngũ hoặc tuyển dụng vào Quân đội trước ngày 20 tháng 7 năm 1954 đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ ngày 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước;

+ Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhập ngũ, tuyển dụng từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 (bao gồm cả đối tượng đi học tập, lao động hợp tác quốc tế đang định cư ở nước ngoài);

+ Dân quân tập trung ở miền Bắc, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1964 đến ngày 27 tháng 01 năm 1973 (đối với dân quân tập trung thuộc các xã giáp ranh bên bờ Bắc sông Bến Hải trên vĩ tuyến 17 và các xã nằm trong khu phi quân sự trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975);

+ Du kích tập trung (bao gồm cả lực lượng mật) tham gia hoạt động cách mạng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các chiến trường B, C, K từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

+ Cán bộ dân chính đảng ở miền Nam tham gia hoạt động cách mạng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các chiến trường B, C, K từ tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

+ Thanh niên xung phong tham gia kháng chiến trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 1950 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 (bao gồm cả thanh niên xung phong cơ sở miền Nam tham gia kháng chiến trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 1965 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975);

+ Quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, nhập ngũ, tuyển dụng vào quân đội, công an, cơ yếu sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979, truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992, thuộc địa bàn các huyện biên giới, các tỉnh Tây Nguyên và các huyện tiếp giáp huyện biên giới có xảy ra chiến sự (bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK 1); hoặc tham gia làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, hoặc giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 hoặc chuyển ngành sau đó thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 (bao gồm cả đối tượng đi học tập, lao động hợp tác quốc tế đang định cư ở nước ngoài);

+ Công nhân, viên chức quốc phòng, công nhân, viên chức công an, công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn dân quân tự vệ, công an xã do chính quyền cấp xã tổ chức và quản lý; thanh niên xung phong tập trung sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995, có thời gian trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979, truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992, thuộc địa bàn các huyện biên giới, các tỉnh Tây Nguyên và các huyện tiếp giáp huyện biên giới có xảy ra chiến sự (bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng Sa, Trường Sa, DK 1); hoặc tham gia làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, hoặc giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988;

+ Dân công hỏa tuyến, được Ủy ban hành chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền huy động, quản lý tập trung và được giao nhiệm vụ phục vụ chiến đấu cho các đơn vị Quân đội hoặc phục vụ tại các chiến trường trong thời gian và địa bàn sau đây, đang định cư ở nước ngoài:

Tham gia kháng chiến chống Pháp từ tháng 9 năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954; chống Mỹ từ sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975, địa bàn thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi cả nước và ở Lào, Campuchia;

Tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở biên giới phía Bắc trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 1979 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988, biên giới Tây Nam từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 07 tháng 01 năm 1979, truy quét Ful rô từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 12 năm 1992, thuộc địa bàn các huyện biên giới, các tỉnh Tây Nguyên và các huyện tiếp giáp huyện biên giới có xảy ra chiến sự (bao gồm cả các huyện đảo biên giới và khu vực Hoàng

Sa, Trường Sa, DK 1); hoặc tham gia làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ tháng 01 năm 1979 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989, hoặc giúp bạn Lào từ tháng 5 năm 1975 đến ngày 31 tháng 12 năm 1988.

b) Đối tượng và điều kiện không áp dụng thực hiện chính sách

- Không thuộc đối tượng và điều kiện tại điểm a nêu trên.

- Đào ngũ; phản bội; chiêu hồi; đã bị kết án về một trong các tội về xâm phạm an ninh quốc gia; bị tước danh hiệu quân nhân, công an nhân dân, buộc thôi việc;

- Đối tượng là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế trước khi định cư ở nước ngoài thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động hằng tháng (đối tượng quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 2 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP);

- Đối tượng đã từ trần nhưng không có hoặc không còn thân nhân là bố đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp theo quy định của pháp luật.

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.

DANH MỤC MẪU BIỂU
THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG

| STT | TÊN MẪU |
|-----------|--|
| I | Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công với cách mạng; chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ |
| 1 | Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (Mẫu số 1A) |
| 2 | Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (Mẫu số 1B) |
| 3 | Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (Mẫu số 1C) |
| 4 | Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (Mẫu số 2A) |
| 5 | Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (Mẫu số 2B) |
| II | Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ |
| 1 | Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ (Mẫu số 2B) |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ

theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
(Áp dụng đối với người có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng)

Họ và tên Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh .../ .../ ...; Số CMTND (Hộ chiếu):

Nơi cấp.....; Ngày, tháng, năm cấp//.....

Quốc tịch:

Quê quán:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi định cư ở nước ngoài:

.....
Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:

Thuộc đối tượng: (1).....; Tỷ lệ thương tật, bệnh tật
(nếu có).....

Được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng đối với người có công với
cách mạng hoặc thân nhân người có công với cách mạng theo Quyết định số
..... ngày tháng..... năm; cơ quan ra quyết định hưởng
chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng

Mức trợ cấp, phụ cấp hằng tháng được hưởng tại tháng liền kề tháng bị
dừng hưởng chế độ

Thời gian đi định cư ở nước ngoài: Ngày tháng..... năm.....

Thời gian bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng: Ngày...tháng... năm.....

Ngoài chế độ trợ cấp hằng tháng nêu trên, trong thời gian ở trong nước đã
được hưởng các chế độ gì sau đây: Hưu trí, mất sức lao động; trợ cấp một lần hoặc
hằng tháng theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg;
Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; Quyết định số
104/1999/QĐ-TTg; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg; Quyết định số
62/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg, hoặc chưa được hưởng
chính sách gì:

Các giấy tờ còn lưu giữ:

.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (2)

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyên ngành hoặc thời gian tham gia các tổ chức trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế)

| Từ tháng, năm | Đến tháng, năm | Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nhiệm vụ được giao | Đơn vị (c,d,e,f); tên cơ quan, tổ chức | Địa bàn công tác (Xã, huyện, tỉnh) |
|---------------|----------------|---|--|------------------------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Tổng thời gian công tác thực tế là:năm.....tháng.

Thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế lànăm.....tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.... tháng..... năm

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Ghi theo các nhóm đối tượng được quy định trong pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ.

(2) Phần này áp dụng kê khai đối với đối tượng vừa là người có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ, vừa thuộc đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÂN NHÂN

Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ

theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
(Áp dụng đối với người có công bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đã từ trần)

1. Phần khai về thân nhân đối tượng

Họ và tên..... Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....; Số CMTND (Hộ chiếu):.....

Nơi cấp.....; Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Quốc tịch:.....

Quê quán:.....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:.....

Quan hệ với đối tượng kê khai dưới đây là:.....

2. Phần khai về đối tượng

Họ và tên..... Bí danh..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....; (sống, chết); Số CMTND (Hộ chiếu).....;

Nơi cấp.....; Ngày, tháng, năm cấp:...../...../.....

Quốc tịch:.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi định cư ở nước ngoài:.....

.....

Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:.....

Từ trần: Ngày...tháng..... năm..... tại:.....

Thuộc đối tượng: (1).....; Tỷ lệ thương tật, bệnh tật (nếu có).....

Được hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân người có công với cách mạng theo Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm.....; cơ quan ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hàng tháng.....

Mức trợ cấp, phụ cấp hàng tháng được hưởng tại tháng liền kề tháng bị dừng hưởng chế độ.....

Thời gian đi định cư ở nước ngoài: Ngày..... tháng..... năm.....

Thời gian bị dừng hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng: Ngày...tháng... năm.....

Ngoài chế độ trợ cấp hàng tháng nêu trên, trong thời gian ở trong nước đã được hưởng các chế độ gì sau đây: Hưu trí, mất sức lao động; trợ cấp một lần hoặc hàng tháng theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg; Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg; Quyết định số 104/1999/QĐ-TTg; Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg; Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg, hoặc chưa được hưởng chính sách gì:

Các giấy tờ còn lưu giữ:.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (2)

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, chuyển ngành hoặc thời gian tham gia các tổ chức trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế)

| Từ tháng, năm | Đến tháng, năm | Cấp bậc, chức vụ, chức danh, nhiệm vụ được giao | Đơn vị (c,d,e,f); tên cơ quan, tổ chức | Địa bàn công tác (Xã, huyện, tỉnh) |
|---------------|----------------|---|--|------------------------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Tổng thời gian công tác thực tế là:nămtháng.

Thời gian trực tiếp tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế lànămtháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày.... tháng..... năm

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Ghi theo các nhóm đối tượng được quy định trong pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ.

(2) Phần này áp dụng kê khai đối với đối tượng vừa là người có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ, vừa thuộc đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế.

**Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI
CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÃ TỪ TRẦN (NẾU CÓ)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ hỗ trợ

theo Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ
(Áp dụng đối với thân nhân người có công với cách mạng đã hưởng chế độ hỗ trợ sau
đó từ trần, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP)

1. Phần khai về thân nhân đối tượng

Họ và tên Bí danh Nam, nữ.....
Ngày, tháng, năm sinh/...../.....; Số CMTND (Hộ chiếu):.....
Nơi cấp.....; Ngày, tháng, năm cấp:/...../.....
Quốc tịch:.....
Quê quán:.....
Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:.....
Quan hệ với đối tượng kê khai dưới đây là:.....

2. Phần khai về đối tượng

Họ và tên..... Bí danh..... Nam, nữ.....
Ngày, tháng, năm sinh.../.../....; (sống, chết); Số CMTND (Hộ chiếu).....
Nơi cấp; Ngày, tháng, năm cấp: .../.../.....
Quốc tịch:.....
Quê quán:.....
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi định cư ở nước ngoài:.....

.....
Chỗ ở hiện nay ở nước ngoài:.....
Từ trần: Ngày... tháng..... năm..... tại:.....

Thuộc đối tượng: (1).....

Đã được hưởng chế độ hỗ trợ đối với người Việt Nam có công với cách mạng bị dừng hưởng chế độ do định cư ở nước ngoài, theo Quyết định số.....ngày..... tháng.....năm.....; nơi cấp.....

Các giấy tờ còn lưu giữ:.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Ngày... tháng..... năm

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú: (1) Ghi theo các nhóm đối tượng được quy định trong pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ.

